

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		50.294.577.534	14.955.474.755
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	92.148.361	5.949.754
111	1. Tiền		92.148.361	5.949.754
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	50.202.429.173	14.904.066.863
121	1. Đầu tư ngắn hạn		50.202.429.173	15.530.617.040
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-	(626.550.177)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	45.458.138
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		-	45.458.138
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		-	35.944.986
240	IV. Tài sản dài hạn khác		-	35.944.986
248	2. Tài sản dài hạn khác		-	35.944.986
250	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>50.294.577.534</u>	<u>14.991.419.741</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		32.423.967.606	9.958.848.202
310	1. Nợ ngắn hạn		32.423.967.606	9.958.848.202
311	1. Vay ngắn hạn	5	31.902.794.415	9.731.035.838
312	2. Phải trả người bán		24.029.276	2.029.276
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		367.860.827	-
315	5. Phải trả người lao động		82.500.000	-
318	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	6	46.783.088	225.783.088
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		17.870.609.928	5.032.571.539
410	1. Vốn chủ sở hữu	7	17.870.609.928	5.032.571.539
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		16.000.000.000	8.200.000.000
417	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.870.609.928	(3.167.428.461)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		<u>50.294.577.534</u>	<u>14.991.419.741</u>

Trần Thị Hiền
Người lập

Trần Thị Hiền
Kế toán trưởng



Lã Giang Trung
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			đến 30/09/2016	đến 30/09/2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
11	4. Giá vốn hàng bán		-	-
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	8	7.851.361.635	2.703.470.053
22	7. Chi phí tài chính	9	2.848.256.538	684.008.106
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.000.097.953	512.383.358
24	8. Chi phí quản lý kinh doanh		219.836.058	24.009.200
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.783.269.039	1.995.452.747
31	10. Thu nhập khác	10	626.550.177	-
32	11. Chi phí khác	11	3.920.000	-
40	12. Lợi nhuận khác		622.630.177	-
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.405.899.216	1.995.452.747
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	12	367.860.827	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		5.038.038.389	1.995.452.747
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	13	5.178	2.433

Trần Thị Hiền
Người lập

Trần Thị Hiền
Kế toán trưởng



Là Giang Trung
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			đến 30/09/2016	đến 30/09/2015
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		31.125.780.777	35.013.217.926
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(60.241.276.437)	(34.666.900.074)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(30.000.000)	(20.000.000)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(1.000.097.953)	(512.383.358)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		56.944.986	75.347.489
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(205.920.000)	(2.000.000)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(30.294.568.627)</i>	<i>(112.718.017)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		409.008.657	268.305.413
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>409.008.657</i>	<i>268.305.413</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		7.800.000.000	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		61.205.020.395	29.918.970.426
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(39.033.261.818)	(30.022.417.110)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>29.971.758.577</i>	<i>(103.446.684)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		<i>86.198.607</i>	<i>52.140.712</i>
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		5.949.754	35.085.860
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	<u>92.148.361</u>	<u>87.226.572</u>

Trần Thị Hiền
Người lập

Trần Thị Hiền
Kế toán trưởng



La Giang Trung
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hestia được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0106459724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 02 năm 2014, thay đổi lần thứ tư ngày 15 tháng 09 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 5, toà nhà Rainbow, khu đô thị Văn Quán, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 16.000.000.000 đồng; tương đương 1.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động kinh doanh chứng khoán
- Hoạt động tư vấn đầu tư
- Hoạt động tư vấn quản lý

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 138/2011/TT-BTC ngày 04/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

2.4 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.